|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD&ĐT **TRƯỜNG THPT CHUYÊN****----------***(Đề thi có 04 trang)* | **THI THỬ TỐT NGHIỆP THPTQG LẦN 1 NĂM 2025****Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI****Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |
| **Họ, tên thí sinh:** ..........................................................**Số báo danh:** ........................\ |  |

**Tô vào phiếu TLTN phương án đúng nhất**

**Câu 41.** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta vào mùa mưa?

 **A.** Ngập mặn. **B.** Ngập úng. **C.** Lũ quét. **D.** Sóng thần.

**Câu 42.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Đông Bắc Bộ?

 **A.** Đà Nẵng. **B.** Điện Biên Phủ. **C.** Thanh Hóa. **D.** Lạng Sơn.

**Câu 43.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc vùng Bắc Trung Bộ?

 **A.** Sơn La. **B.** Tây Trang. **C.** Bờ Y. **D.** Cầu Treo.

**Câu 44.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Trung Quốc và  giáp biển?

 **A.** Hà Giang **B.** Thanh Hóa. **C.** Quảng Ninh. **D.** Nghệ An.

**Câu 45.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Trị An thuộc lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

 **A.** Sông Đồng Nai. **B.** Sông Thu Bồn. **C.** Sông Cả. **D.** Sông Ba.

**Câu 46.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang vùng Bắc Trung Bộ, cho biết mỏ sắt Thạch Khê thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Hà Tĩnh. **B.** Thanh Hóa. **C.** Quảng Trị. **D.** Nghệ An.

**Câu 47.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vào tháng VII, trạm khí tượng nào có lượng mưa thấp nhất trong các trạm sau đây?

 **A.** Hà Nội. **B.** Nha Trang. **C.** Lạng Sơn. **D.** Sa Pa.

**Câu 48.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết điểm du lịch nào sau đây thuộc trung tâm du lịch Huế?

 **A.** Đại Lãnh. **B.** Sa Huỳnh. **C.** Mũi Né. **D.** Thuận An.

**Câu 49.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết núi nào sau đây nằm gần hồ Dầu Tiếng nhất?

 **A.** Núi Braian. **B.** Núi Chứa Chan. **C.** Núi Bà Đen. **D.** Núi Bà Rá.

**Câu 50.** Hoạt động công nghiệp ở nước ta hiện nay

 **A.** trung tâm công nghiệp chỉ ở đồng bằng.

 **B.** có nhiều thành phần kinh tế tham gia.

 **C.** phân bố đồng đều trên toàn  lãnh thổ.

 **D.** phát triển mạnh công nghiệp hiện đại.

**Câu 51.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Huế **B.** Vinh. **C.** Thanh Hóa. **D.** Nha Trang.

**Câu 52.** Ở nước ta, ngành công nghiệp thuộc nhóm ngành công nghiệp chế biến là

 **A.** khai thác dầu. **B.** điện tử - tin học.

 **C.** khai thác than. **D.** phân phối điện.

**Câu 53.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết trong các đỉnh núi sau đây, đỉnh núi nào có độ cao lớn nhất?

 **A.** Pu Si Lung. **B.** Pu Huổi Long. **C.** Pu Trà. **D.** Phu Hoạt.

**Câu 54.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết đường ống dẫn khí từ mỏ Cái Nước đến nhà máy nhiệt điện nào sau đây?

 **A.** Phú Mĩ. **B.** Bà Rịa. **C.** Cà Mau. **D.** Thủ Đức.

**Câu 55.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết thành phố Đồng Hới thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Nghệ An. **B.** Quảng Nam. **C.** Hà Tĩnh. **D.** Quảng Bình.

**Câu 56.** Ở nước ta, nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho ngành sản xuất nước mắm là từ ngành

 **A.** trồng trọt. **B.** chăn nuôi. **C.** lâm nghiệp. **D.** thủy sản.

**Câu 57.** Hoạt động làm xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

 **A.** đốt rừng làm nương rẫy. **B.** sinh sống ở ven suối.

 **C.** mở rộng diện tích rừng. **D.** trồng cây công nghiệp.

**Câu 58.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết thủy điện sông Hinh thuộc tỉnh nào sau đây?

 **A.** Khánh Hòa. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Phú Yên. **D.** Bình Định.

**Câu 59.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 2 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

 **A.** Mộc Châu. **B.** Cao Bằng. **C.** Bắc Kạn. **D.** Hà Giang.

**Câu 60.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây có công nghiệp khai thác Bôxit?

 **A.** Cao Bằng. **B.** Quảng Ninh. **C.** Tuyên Quang. **D.** Sơn La.

**Câu 61.** Cơ cấu lao động của nước ta hiện nay

 **A.** tăng nhanh tỉ trọng cả nông thôn và thành thị.

 **B.** thay đổi trong quá trình phát triển kinh tế.

 **C.** thường xuyên ổn định, tỉ trọng không đổi.

 **D.** có tỉ trọng cao nhất trong khu vực dịch vụ.

**Câu 62.** Lãnh thổ hẹp ngang với khoảng 7 độ kinh tuyến làm cho làm cho nước ta

 **A.** có gió Tín phong Bắc bán cầu hoạt động quanh năm.

 **B.** toàn bộ phần đất liền của đất nước thuộc một múi giờ.

 **C.** có lượng mưa lớn và thảm thực vật xanh tốt quanh năm.

 **D.** trong năm, mọi nơi có 2 lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.

**Câu 63.** Tỉ lệ dân số thành thị của nước ta tăng chủ yếu do

 **A.** phổ biến lối sống thành thị rộng khắp. **B.** đô thị đầu tiên xuất hiện từ rất sớm.

 **C.** đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa. **D.** tình hình an ninh chính trị ổn định.

**Câu 64.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ MẬT ĐỘ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Thái Lan** | **Ma-lai-xi-a** | **Mianma** | **In-đô-nê-xi-a** |
| Diện tích (nghìn km2) | 510,9 | 328,6 | 652,8 | 1877,5 |
| Mật độ dân số (người/km2) | 130,6 | 99,5 | 85,0 | 146,5 |

(*Nguồn: Theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh về quy mô dân số của các quốc gia năm 2021?

 **A.** Thái Lan cao hơn In-đô-nê-xi-a. **B.** In-đô-nê-xi-a cao hơn Mi-an-ma.

 **C.** Ma-lai-xi-a cao hơn Thái Lan. **D.** Mi-an-ma thấp hơn Ma-lai-xi-a.

**Câu 65.** Chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ kinh tế nước ta hiện nay

 **A.** chỉ tập trung phát triển khu vực dịch vụ. **B.** làm giảm tỉ trọng của khu vực Nhà nước.

 **C.** tương ứng với quá trình hiện đại hóa.     **D.** hình thành nên các khu kinh tế cửa khẩu.

**Câu 66.** Ngành vận tải đường biển nước ta hiện nay

 **A.** đạt được trình độ cao hàng đầu thế giới. **B.** chỉ đảm nhận giao thông vận tải quốc tế.

 **C.** trở thành loại hình vận tải chủ yếu nhất. **D.** có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn.

**Câu 67.** Cho biểu đồ:

****

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, NĂM 2015, 2019 VÀ 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi tổng sản phẩm trong nước của Thái Lan và Việt Nam qua các năm?

 **A.** Thái Lan tăng nhiều hơn Việt Nam. **B.** Thái Lan tăng gấp hai lần Việt Nam.

 **C.** Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam. **D.** Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.

**Câu 68.** Ngành chăn nuôi gà công nghiệp của nước ta hiện nay

 **A.** đang tiến mạnh lên sản xuất hàng hóa.  **B.** là nguồn cung cấp thực phẩm chính.

 **C.** trang trại phát triển mạnh khắp cả nước  **D.** phân bố tập trung ở các thành phố lớn.

**Câu 69.** Ngành trồng cây công nghiệp của nước ta hiện nay

 **A.** diện tích cây hàng năm tăng rất nhanh.

 **B.** cây lâu năm phát triển mạnh ở đồng bằng.

 **C.** cây lâu năm có tỉ trọng cao trong cơ cấu.

 **D.** sản lượng lớn hoàn toàn phục vụ xuất khẩu.

**Câu 70.** Hoạt động nội thương của nước ta không đều giữa các vùng là do sự khác nhau về

 **A.** chính sách phát triển nội thương, tốc độ gia tăng dân số.

 **B.** cơ sở hạ tầng, hệ thống các trung tâm thương mại.

 **C.** trình độ và năng suất lao động, khoa học công nghệ.

 **D.** quy mô dân số, mức sống, trình độ phát triển kinh tế.

**Câu 71.** Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ xuất hiện loài thực vật phương Nam chủ yếu do

 **A.** lãnh thổ hẹp ngang, gió Tín phong Bán Cầu Bắc mạnh, hạ áp Bắc Bộ.

 **B.** hướng nghiêng địa hình, đường bờ biển dài, gió mùa Đông Nam mạnh.

 **C.** địa hình cao, gió mùa Tây Nam hoạt động mạnh, vị trí nội chí tuyến.

 **D.** suy yếu gió mùa Đông Bắc, hướng núi tây bắc đông nam, nhiệt độ tăng.

**Câu 72.** Khí hậu, thời tiết vùng núi Đông Bắc nước ta thất thường chủ yếu do chịu tác động của

 **A.** gió Tín Phong Bán Cầu Nam, vị trí địa lí, gió mùa mùa đông.

 **B.** độ rộng lãnh thổ, chiều dài đường bờ biển, gió mùa Đông Bắc.

 **C.** hướng nghiêng địa hình, độ rộng lãnh thổ, gió mùa Đông Nam.

 **D.** độ cao địa hình, gió mùa mùa hạ, gió Tín Phong Bán Cầu Bắc.

**Câu 73.** Sinh vật nước ta bảo toàn được tính nhiệt đới chủ yếu do

 **A.** các hoàn lưu gió theo mùa, vị trí nội chí tuyến, hướng địa hình đa dạng.

 **B.** phía Bắc gần chí tuyến, gió Tín Phong quanh năm, đồi núi diện tích rộng.

 **C.** gió mùa Đông Bắc theo đợt, vị trí nội chí tuyến, địa hình đồi núi thấp.

 **D.** vị trí giao thoa của sinh vật, gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới.

**Câu 74.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG SỮA TƯƠI VÀ SỮA BỘT CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2021

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2017** | **2019** | **2020** | **2021** |
| Sữa tươi *(triệu lít)* | 1027,9 | 1211,4 | 1323,4 | 1296,8 | 1244,9 |
| Sữa bột *(nghìn tấn)* | 99,3 | 111,7 | 119,1 | 129,2 | 143,6 |

*(Nguồn: https://www.gso.gov.vn)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện quy mô sản lượng sữa tươi và sữa bột của nước ta giai đoạn 2015 - 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

 **A.** Miền, cột, đường. **B.** Tròn, kết hợp, cột.

 **C.** Đường, tròn, cột. **D.** Cột, đường, kết hợp.

**Câu 75.** Cho biểu đồ về diện tích và sản lượng cam, quýt của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:

**

*(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, https://www.gso.gov.vn)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

 **A.** Cơ cấu diện tích và sản lượng.  **B.** Sự thay đổi cơ cấu diện tích và sản lượng.

 **C.** Quy mô diện tích và sản lượng.  **D.** Tốc độ tăng trưởng diện tích và sản lượng.

**Câu 76.** Mục đích chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là nhằm

 **A.** đa dạng các hoạt động kinh tế, nâng cao mức sống.

 **B.** chuyển dịch cơ cấu sản xuất, điều hòa chế độ nước sông.

 **C.** thực hiện công nghiệp hóa, khai thác tốt thế mạnh.

 **D.** giảm lũ lụt, sử dụng hiệu quả thế mạnh tự nhiên.

**Câu 77.** Biện pháp quan trọng nhất để tăng chi tiêu của khách du lịch ở nước ta là

 **A.** bảo vệ tài nguyên du lịch, hướng tới phát triển du lịch bền vững.

 **B.** đẩy mạnh hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, phát triển các cơ sở lưu trú.

 **C.** đa dạng hóa các loại hình, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch.

 **D.** tăng cường quảng bá du lịch, nâng cao chất lượng sản phẩm lưu niệm.

**Câu 78.** Giải pháp chủ yếu phát triển cây ăn quả ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

 **A.** nâng cao trình độ lao động, sản xuất trang trại.**B.** sử dụng các giống tốt, tăng cường thâm canh.

 **C.** hợp tác nước ngoài, ứng dụng công nghệ mới. **D.** nâng cao chất lượng, gắn với thị trường tiêu thụ.

**Câu 79.** Giải pháp chủ yếu để nâng cao khả năng cạnh tranh của các mặt hàng xuất khẩu ở nước ta là

 **A.** nâng cao trình độ lao động, đẩy mạnh tiếp thị.

 **B.** đầu tư theo chiều sâu, đổi mới trang thiết bị.

 **C.** mở rộng thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài.

 **D.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế.

**Câu 80.** Titan trong các bãi cát ven biển ở nước ta thuận lợi để

 **A.** phát triển ngành công nghiệp. **B.** phát triển nghề làm muối.

 **C.** phát triển du lịch sinh thái. **D.** xây dựng các bãi cho cá đẻ.

***------ HẾT ------***

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **41** | **C** | **46** | **A** | **51** | **D** | **56** | **D** | **61** | **B** | **66** | **D** | **71** | **D** | **76** | **C** |
| **42** | **D** | **47** | **B** | **52** | **B** | **57** | **A** | **62** | **B** | **67** | **D** | **72** | **A** | **77** | **C** |
| **43** | **D** | **48** | **D** | **53** | **A** | **58** | **C** | **63** | **C** | **68** | **A** | **73** | **C** | **78** | **D** |
| **44** | **C** | **49** | **C** | **54** | **C** | **59** | **D** | **64** | **B** | **69** | **C** | **74** | **D** | **79** | **B** |
| **45** | **A** | **50** | **B** | **55** | **D** | **60** | **A** | **65** | **D** | **70** | **D** | **75** | **C** | **80** | **A** |